TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:684/2024/HS-ST
Ngày 19 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Văn Tam

2/ Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư, cán bộ TAND thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện VKS nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 665/2024/HSST ngày 08 tháng 11 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 673/2024/ QĐXXST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 1221/2024/HSST-QQĐHPT-HS ngày 12/12/2024, đối với các bị cáo:

1/Họ và tên: Bùi Văn Q, sinh năm 1984, tại Bắc Giang

Nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: kinh. Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Tự do. Chức vụ trước khi phạm tội: Không.

Con ông S, sinh năm 1958 (còn sống) và bà T, sinh năm 1961(còn sống). Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai. Có vợ là H, sinh năm 1984; bị cáo có một con: sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị giam giữ từ ngày 27/9/2024. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố B.

2/**Họ và tên: T**, sinh năm 1994, tại Sóc Trăng

Nơi cư trú: ấp H, xã N, huyện S, tỉnh Sóc Trăng;

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: kinh. Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật.

Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Không. Chức vụ trước khi phạm tội: Không.

Con ông Đ, sinh năm 1962 (đã chết) và bà H, sinh năm 1974 (Còn sống). Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất. Chồng, con: Không.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị giam giữ từ ngày 27/6/2024. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố B.

Bị hại: Bà T, sinh năm:1991.

Địa chỉ: A, tập thể, 7, phường L, quận Đ, Hà Nội (các bị cáo có mặt, bị hại có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Q sinh năm 1984 tại Bắc Giang, thường trú: Thôn C, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang và T sinh năm 1994 thường trú: ấp H, xã N, huyện S, tỉnh Sóc Trăng là hai đối tượng quen biết nhau ngoài xã hội, không có công ăn việc làm ổn định, cùng rủ nhau thuê trọ sống chung tại khu phố H, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Thông qua mạng xã hội, T quen biết T, sinh năm 1991, thường trú tại xóm 4 xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định làm nghề kinh doanh bất động sản. Trong quá trình nói chuyện, T nói với T bản thân T là người rất giàu, có nhiều tài sản, T muốn mua thêm bất động sản để đầu tư và hẹn gặp T ngoài đời để kết nối làm ăn. Khoảng đầu tháng 8/2022, T đến quán cà phê tại phường P, thành phố B gặp T và Q để giới thiệu về các dự án bất động sản. Sau buổi gặp gỡ đó, Q và T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị T nên đưa thông tin gian dối bản thân có nhiều tài sản, là cổ đông của nhiều công ty thu mua mùn cưa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Bình Dương. Để tạo cho chị T tin tưởng, khoảng 09 giờ ngày 07/10/2022, Q và T dẫn T đến xưởng mua ván ép tại địa chỉ tổ 44, khu phố V, phường P, thành phố B do anh L, sinh năm 1977 trực tiếp quản lý để xem và nói dối T là toàn bộ cơ sở vật chất của xưởng do Q và T góp vốn chung với người khác lập nên. Sau đó, Q và T tiếp tục dẫn T đến xưởng sản xuất viên nén tại công ty TNHH N tại địa chỉ xã K, thị xã T, tỉnh Bình Dương xem và nói dối T toàn bộ nhà xưởng sản xuất là của Q và T góp vốn với người đàn ông tên Đ (quản lý xưởng). Đồng thời, T và Q còn nói dối T là hiện nay cả hai còn đang làm cổ đông góp vốn tại Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ C, địa chỉ đường K 53, khu phố B, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương; Công ty TNHH B, địa chỉ ấp B, xã M, huyện B, tỉnh Bình Dương và công ty TNHH SX TMDV A tại địa chỉ số 25 ấp 1B xã H, huyện P, tỉnh Bình Dương. Q đã gửi thông tin hồ sơ năng lực, các hợp đồng, hình ảnh của các công ty trên qua cho T để T điền thông tin giả của mình vào rồi gửi cho T để củng cố niềm tin của T.

Sau đó, Q và T đề nghị T góp tiền để phục vụ thu mua mùn gỗ, dăm bào sản xuất viên nén gỗ xuất khẩu tại địa chỉ khu phố T, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Do tin tưởng nên chị T đã nhiều lần chuyển tiền cho Q, T và bị các đối tượng này chiếm đoạt. Cụ thể:

Lần 1: Ngày 14/10/2022, Q và T nói phải mua xe ôtô tải để phục vụ vận chuyển mùn cưa, dăm bào nên yêu cầu chị T góp số tiền 50.000.0000 đồng (năm mươi triệu đồng). Ngày 17/10/2022, chị T đến xem xe ôtô trước khi chuyển tiền, tuy nhiên Thư giả vờ gọi điện cho Q kêu đem xe qua cho T xem rồi cả hai cố tình

kéo dài thời gian để T không kiên nhẫn chờ đợi xe tải đến và liên tục hối thúc T chuyển tiền thông qua tài khoản của H (T và Q giới thiệu là kế toán của xưởng sản xuất). T đã chuyển số tiền 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*). Sau khi lấy được số tiền này, Q đã sử dụng 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*) còn T đã sử dụng 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*) tiêu xài cá nhân hết.

Lần 2: Q và T nói với T phải mua thép để lắp khung cân phục vụ việc kinh doanh sắp tới. Để T tin tưởng, T giả vờ nói T chụp ảnh Căn cước công dân gửi qua rồi T tạo file word Hợp đồng mua bán số 1510/HĐMB/HP mang tên T là bên mua gửi qua zalo cho T xem. Tưởng thật, ngày 21/9/2022, T chuyển khoản 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*) qua số tài khoản của H để cho Thư đặt cọc mua thép. Đến ngày 28/10/2022, Thư tiếp tục hối thúc T chuyển số tiền 59.006.545đ (*năm mươi chín triệu không trăm linh sáu nghìn năm trăm bốn mươi lăm đồng*) để trả tiền thép. Sau khi nhận đủ 79.006.545đ (*bảy mươi chín triệu không trăm linh sáu nghìn năm trăm bốn mươi lăm đồng*) thì Q và T đã chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân hết. Trong đó, Q sử dụng 40.000.000đ (*bốn mươi triệu đồng*), T sử dụng 39.005.545đ (*ba mươi chín triệu không trăm linh sáu nghìn năm trăm bốn mươi lăm đồng*).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Q và T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

- Gia đình bị cáo Q đã giao nộp 70.000.000 đồng tiền bồi thường khắc phục hậu quả. T chưa bồi thường khắc phục hậu quả.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại Cáo trạng số 652/CT-VKSBH ngày 08/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố các bị cáo Q, T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo quy định tại khoản 2 Điều174 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo Q, T về tội danh, điều luật áp dụng nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Q mức án từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng tù.

T mức án từ 12(mười hai) đến 18 (mười tám) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị T bồi thường cho bị hại số tiền còn lại.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy

định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay là thống nhất, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ.

Do vậy, có đủ cơ sở để khẳng định: Từ ngày 14/10/2022 đến ngày 28/10/2022, tại tại khu phố H, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, T và Q đã có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt số tiền 129.006.545 đ (*một trăm hai mươi chín triệu không trăm linh sáu nghìn năm trăm bốn mươi lăm đồng*) của chị T.

Từ những phân tích trên, xét thấy Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo T và Q về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng căn cứ pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

T và Q đã có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt số tiền 129.006.545 đ (*một trăm hai mươi chín triệu không trăm linh sáu nghìn năm trăm bốn mươi lăm đồng*) của chị T.

Hành vi của bị cáo T và Q đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt đối với các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo phạm tội 02 lần (điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Q đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, sau khi xem xét đặc điểm nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy xử phạt tù bị cáo dưới mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5].Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Q đã tự nguyện nộp số tiền 70.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B để bồi thường cho người bị hại. Tại phiên tòa bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền 59.006.545 đ (*năm mươi chín triệu không trăm linh sáu nghìn năm trăm bốn mươi lăm đồng*) cho bị hại nên ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo T.

[6]. Về án phí: Áp dụng Điều 23, 26 và 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo T phải nộp án phí dân sự theo quy định pháp luật đối với số tiền bị cáo chưa bồi thường cho bị hại.

Đối với H là người cho Q và T mượn số tài khoản để nhận tiền của chị T nhưng không biết đây là số tiền mà T và Q lừa đảo chiếm đoạt của T, không được T và Q bàn bạc, cho hưởng lợi từ số tiền chiếm đoạt nên không có căn cứ xử lý hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Q và T phạm tội "Lừa đảo chếm đoạt tài sản"

-Áp dụng khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Q 01(một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/9/2024.

-Áp dụng khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo T 01(một) năm 04(bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/6/2024.

2.Về trách nhiệm dân sự **:** Áp dụng điều 584, điều 589 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo T đối với yêu cầu bồi thường của bị hại. Bị cáo T có nghĩa vụ thanh toán cho chị T số tiền 59.006.545 đ (*năm mươi chín triệu không trăm linh sáu nghìn năm trăm bốn mươi lăm đồng*).

3. Về án phí: - Áp dụng điều 58 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, 26 và 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Q, T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo T phải nộp 2.950.327đ án phí dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tống đặt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP B;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP B;
- Nhà tạm giữ CATPB;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phú

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: **16/2017/HS-ST**).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)